

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 8- 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm
2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐST- DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H - sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phan Thị Bích T – sinh năm 1989 và anh Phạm Văn M – sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ tại: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T1 – sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen biết nên ngày 14/5/2024 bà có cho bà T vay với số tiền 70.000.000 đồng hẹn ngày 14/6/2024 sẽ trả. Khi vay thì hai bên có tính lãi suất

01%/tháng nhưng bà T chưa trả lãi. Mục đích cho vay để bổ sung vốn kinh doanh Spa. Trong thời hạn thì bà T đã trả được 17.100.000 đồng tiền gốc, hiện bà T còn nợ 52.900.000 đồng. Khi cho bà T vay thì ông Phạm Văn M không biết. Mặc dù khi cho vay ông M không biết nhưng khi đến nhà đòi tiền thì ông M có biết và đồng ý trả nợ cùng với chị T.

Nay chị H yêu cầu bà T, ông M phải trả số tiền gốc 52.900.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Huỳnh Thị Thu H không yêu cầu trả lãi.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai bà Phan Thị Bích T trình bày: Trước ngày 14/5/2024 thì bà T có vay trả góp của chị Huỳnh Thị Thu Huyền số tiền hơn 100.000.000 đồng. Sau khi vay thì bà đã trả cho bà H lãi và gốc rất nhiều. Đến ngày 14/5/2024 bà H bắt ghi lại giấy vay với số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm bà H bắt viết giấy vay thì hai bên tính gốc và lãi chỉ còn lại số tiền là 52.900.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận 10%/tháng, nhưng bà T không tranh chấp về lãi suất.

Giữa bà Phan Thị Bích T và ông Phạm Văn M đã sống ly thân nhiều năm, phần ai làm người đó giữ tự chi tiêu cho bản thân khi vay tiền của bà H ông M không biết, bà không dùng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình nên ông M không liên quan. Trước khi bà H khởi kiện thì vợ chồng nhiều lần gửi đơn ly hôn và đã ly hôn trước khi Tòa án thụ lý.

Nay bà Phan Thị Bích T đồng ý nợ vợ chồng bà H số tiền 52.900.000 và bà T đồng ý trả nợ, ông M không liên quan.

3/ Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phạm Văn M trình bày: Giữa ông và bà Phan Thị Bích T đã sống ly thân từ năm 2020 và hiện tại vợ chồng đã ly hôn. Ông Phạm Văn M không biết việc vay tiền giữa bà H với chị T. Khi chị H ra tìm chị T đòi tiền thì anh M nói việc vay tiền là của chị H với chị T không liên quan gì đến. Do trước đó hai vợ chồng đã ly thân và hiện đã ly hôn. Trong thời gian ly thân thì hai bên tự thỏa thuận đều có trách nhiệm nuôi con chung. Vì vậy anh M không đồng ý trả nợ.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Thu H số tiền mà vợ ông cho bà T vay là tài sản chung của vợ chồng. Ông Nguyễn Thanh T1 thống nhất như yêu cầu của vợ. Đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn M, bà Phan Thị Bích T trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc 52.900.000 đồng. Về tiền lãi không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phan Thị Bích T, ông Phạm Văn M trả nợ cho bà Huỳnh Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T1 số tiền vay gốc 52.900.000 đồng. Về tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 19 tháng 6 năm 2024 nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Bích T, ông Phạm Văn M ở tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ quen biết nên ngày 14/5/2024 bà Huỳnh Thị Thu H có cho bà Phan Thị Bích T vay với số tiền 70.000.000 đồng và bà T đã trả 17.100.000 đồng. Hiện còn nợ 52.900.000 đồng. Bà Phan Thị Bích T cũng thừa nhận ngày 14/5/2024 có ký vào giấy vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng, hiện còn nợ bà H 52.900.000 đồng. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy vay tiền thì thời hạn trả nợ là ngày 14/6/2024. Nguyên đơn cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 01%/ tháng. Bị đơn cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 10%/tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa bà Huỳnh Thị Thu H và bà Phan Thị Bích T có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ nhưng bà T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo hợp đồng vay thể hiện chỉ một mình bà T vay tiền. Theo trình bày của bà H thì khi cho bà T cho vay tiền thì ông Phạm Văn M không biết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng đến hạn trả nợ thì ông M đồng ý

cùng bà T trả nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác vợ chồng ông M, bà T đã sống ly thân nhiều năm và hiện đã ly hôn, thời điểm bà T viết giấy vay thì vợ chồng đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Trong giấy vay tiền thể hiện mục đích kinh doanh Spa nhưng theo giấy đăng ký kinh doanh Spa chỉ cá nhân bà T. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì bà T có gửi tiền về lo cho con là trách nhiệm cấp dưỡng của bà T. Do đó không có căn cứ xác định việc bà T sử dụng số tiền 52.900.000 đồng vào mục đích chung của gia đình. Nên việc nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn M liên đới cùng bà T trả nợ cho vợ chồng bà H là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T1 số tiền 52.900.000 đồng tiền vay gốc.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với việc bà Phan Thị Bích T cho rằng thực hiện việc trả lãi là 10%/tháng nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặt khác bà Phan Thị Bích T không có yêu cầu tính lại lãi suất, không có tranh chấp lãi suất. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Phan Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 52.900.000 đồng x 5% = 2.645.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 1.322.500 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0002652 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H. Buộc bà Phan Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh T1 số tiền 52.900.000 đồng (Năm mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H về việc buộc ông Phạm Văn M liên đới cùng bà T trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Phan Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.645.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 1.322.500 đồng mà bà H đã nộp tại biên lai số 0002652 ngày 01/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Về quyền kháng cáo: Các ông bà Huỳnh Thị Thu H, Phan Thị Bích T, Phạm Văn M, Nguyễn Thanh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Minh Kha